

Bản án số: 29/2025/HS-PT

Ngày: 03-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miên

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2025/TLPT-HS ngày 06 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Trung K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2024/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Trung K, sinh năm 2002 tại Cà Mau; nơi cư trú: Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; chỗ ở khác: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Cho thuê rạp; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh N và bà Lâm Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Phương T1, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại: Luật sư Quách Trọng P của Chi nhánh Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Luật sư có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (không được Tòa án triệu tập): Ông Nguyễn Thanh N và bà Đoàn Thị T2.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn T3 của Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C. Luật sư có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/12/2023, bà Đoàn Thị T2 đến nhà của bà Nguyễn Phương T1 thuộc khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau để hỏi chuyện việc T1 nói Nguyễn Thanh N là chồng T1 chở T2 đi chơi, đi đám tiệc. Khi gặp nhau, hai bên xảy ra cự cãi dẫn đến xô xát, được N can ngăn. Lúc này Nguyễn Trung K là con riêng của N điện đến cho T2 với lý do T2 hẹn K chở T2 đi thu tiền nước đá. Do điện nhiều lần nên T2 bắt

máy nhưng không nói gì, K nghe trên điện thoại có tiếng cự cãi giữa T2 và T1 nên K điều khiển xe đến hiện trường chờ T1 và đòi đánh T1 thì được mọi người can ngăn. Sau đó T1 điện thoại cho Nguyễn Tuyết T4 ở cùng xóm lại nhà T1 và nói có người đến kiểm chuyện đánh T1. Lúc này N nghe được nên kêu K về nhà lấy đồ cho N. K chạy về nhà gặp Trần Duy T5 là bạn K nên rủ T5 đi với K có công chuyện. K vào nhà lấy 01 con dao bấm bỏ vào túi quần và 02 cây dao chặt dừa cầm trên tay chạy đến xông vào chém T1, được T5, N, T2 can ngăn, T2 lấy 02 cây dao đưa cho T5 và kêu T5 mang về nhà. Thùy và T1 tiếp tục đả độn, nắm tóc nhau, dùng tay đánh nhau trước sân nhà của T1. K xông vào nắm tay T1 kéo ra khỏi người Thùy và dùng tay đánh vào vùng gáy và lưng của T1 làm T1 té úp mặt xuống gốc dừa. Lúc này T4, K1 và T6 nhảy vô xô K ra làm chân K vướng vào ghế té xuống đất. Thảo cầm khúc cây đánh K nhưng bị K giựt mạnh khúc cây làm T1 té ngửa xuống gốc dừa, K dùng tay đâm thẳng vào vùng mặt của T1 nhiều cái và dùng cục gạch ông nhật được kẻ bên đánh thẳng vào mặt T1 01 cái; thấy mặt T1 chảy nhiều máu, K ném bỏ cục gạch và đứng dậy. Lúc này, Nguyễn Tuấn K2, Lý Văn T6 chạy đến xô đẩy K ra; Nguyễn Văn T7 (em của T1) mắt bị mù cầm dao đi ra quơ qua quơ lại và Nguyễn Văn H (em T1) cầm cây đuổi đánh K nhưng được mọi người can ngăn. N thấy K2, T6 xô đẩy, đánh K nên nhào vô đánh T6, K đưa dao bấm cho N rượt đuổi T6 bỏ chạy đến nhà bà P1 gần đó thì bị vấp té, K cầm cục gạch chọi trúng vào mặt T6 một cái rồi bỏ đi, T6 bị thương tích nhẹ nên không yêu cầu xử lý đối với K. T1 được người dân đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh C điều trị từ ngày 12/12/2023 đến ngày 28/12/2023 là 17 ngày.

Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 10/KLTTCT-TTPY ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Trung tâm pháp y tỉnh C, kết luận:

- + 01 vết sẹo phẫu thuật đuổi mảy trái, kích thước: 0,2cm x 0,3cm, tỷ lệ 3%.
- + Gãy xương mũi, tỷ lệ 08%, do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra.
- + Gãy lún cung gò má trái, tỷ lệ 09%, do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Phương T1 tại thời điểm giám định là 19%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2024/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo K 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc đồng ý bồi thường các khoản thiệt hại cho bị hại 100 triệu đồng, khấu trừ 20 triệu đồng phía bị cáo đã bồi thường. Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/01/2025, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, không đồng ý bồi thường 100 triệu đồng cho bị hại mà bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2024/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời về phần trách nhiệm

dân sự theo hướng buộc bị cáo phải bồi thường các khoản thiệt hại cho bị hại theo quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới (gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo là lao động chính trong gia đình; ngoài 20 triệu bị hại đã nhận, gia đình bị cáo đã khắc phục được thêm một phần thiệt hại). Đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo và bồi thường các khoản thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Đề nghị giải quyết kháng cáo của bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Bà T1 trình bày: Thống nhất với ý kiến của Luật sư P, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được hưởng án treo và bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo K khai nhận hành vi phạm tội là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ. Cụ thể: Vào ngày 12/12/2023, tại nhà của bà Nguyễn Phương T1 thuộc khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau, Nguyễn Trung K (là con riêng của chồng bà T1) đã có hành vi dùng tay và gạch ống đánh vào vùng mặt của bà T1. Hậu quả, bà T1 bị gãy xương mũi và gãy lún cung gò má trái. Kết quả giám định xác định bà T1 bị tổn thương cơ thể là 19%. Với các tình tiết này, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Ở thời điểm xảy ra sự việc bị cáo là con riêng của chồng bị hại. Do trong thời gian sống cùng nhà với bị hại, bị cáo bị bị hại chửi nhiều lần nên phát sinh mâu thuẫn. Đến ngày 12/12/2023, khi phát hiện giữa bị hại và bà Đoàn Thị T2 (mẹ nuôi) của bị cáo xảy ra cự cãi, đánh nhau, bị cáo can ngăn, bênh vực bà T2 nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo gây thương tích cho người khác trái pháp luật vi phạm pháp luật hình sự, phạm tội thì bị xử lý và phải chịu hình phạt theo quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm, chỉ có bị cáo kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

[3.1] Đối với kháng cáo về phần hình phạt: Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã có xem xét đầy đủ và toàn diện tính chất của vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, gồm: Đã bồi thường được một phần thiệt hại; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Từ đó, xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, với lý do gia đình bị cáo có thân nhân tham gia cách mạng. Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng ngoài 20 triệu đồng bị hại đã nhận, gia đình bị cáo đã có khắc phục thêm cho bị hại được 01 số tiền, nhưng không được bị hại thừa nhận; bị cáo là lao động chính trong gia đình nhưng cũng không được chính quyền địa phương nơi

cư trú xác nhận. Do mức hình phạt mà cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo là tương xứng cần được giữ nguyên, nên kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

[3.2.] Đối với kháng cáo của bị cáo về phần trách nhiệm dân sự:

Thời gian bà T1 điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh C từ ngày 12/12 đến ngày 28/12/2024 được bảo hiểm chi trả. Khi xét xử sơ thẩm, cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc đồng ý bồi thường thêm cho bị hại số tiền 100 triệu đồng mà không nêu rõ gồm các khoản tiền nào. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo yêu cầu được bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ điều trị bệnh do bị hại cung cấp có trong hồ sơ, đối chiếu với quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, buộc bị cáo phải bồi thường thêm cho bị hại các khoản tiền sau đây:

- Chi phí điều trị không được bảo hiểm chi trả: 4.195.364 đồng (bút lục 178, 180, 182-194);

- Mất thu nhập của bị hại, gồm: Mất thu nhập trong 17 ngày nằm viện điều trị là 2.380.000 đồng (16 ngày nằm viện x (3.640.000đ/26 ngày lương tối thiểu vùng) và mất thu nhập trong thời gian chờ tái khám 980.000 đồng (07 ngày x (3.640.000đ/26 ngày lương tối thiểu vùng); Tổng cộng khoản mất thu nhập của bị hại là 3.360.000 đồng;

- Mất thu nhập của người nuôi bệnh: 2.380.000 đồng;

- Chi phí bồi dưỡng trong thời gian điều trị là 2.380.000 đồng (17 ngày nằm viện x (3.640.000đ/26 ngày lương tối thiểu vùng);

- Tổn thất tinh thần 23.400.000 đồng (tương ứng với 10 tháng lương cơ sở)

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 35.715.364 đồng, khấu trừ 20.000.000 đồng gia đình bị cáo đã khắc phục, còn lại 15.715.364 đồng.

Trường hợp chậm trả số tiền nói trên cho bị hại, bị cáo còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định.

Đối với các chi phí phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại có yêu cầu sẽ được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Với việc giảm mức bồi thường thiệt hại, nên kháng cáo của bị cáo về phần trách nhiệm dân sự được chấp nhận.

[4] Với các phân tích nêu trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau được chấp nhận; Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được chấp nhận một phần.

[5] Do sửa một phần bản án sơ thẩm, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Điều chỉnh lại phần án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các điều 584, 590 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 23 và

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung K. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2024/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời về phần trách nhiệm dân sự.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Phương T1 tổng số tiền 15.715.364 (mười lăm triệu bảy trăm mười lăm nghìn ba trăm sáu mươi bốn) đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

7. Bị cáo phải chịu 785.768 (bảy trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Công an thị trấn Sông Đốc;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế